TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/KDTM-ST
Ngày: 06/01/2026
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Văng Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần N**

Bà **Nguyễn Minh Phương**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Võ An Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ*:** Bà **Võ Thị Nhu** - Kiểm sát viên .

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2025/TLST-KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 967/2025/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng X.**

Địa chỉ: Số A, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số B, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc Ninh, sinh năm: 1976.

- *Bị đơn*: **Công ty N.**

Địa chỉ: Số A, phường C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hữu N, chức vụ: Giám đốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Phạm Hữu N**, sinh năm: 1974.

2. Bà **Huỳnh Thị Hoàng T**, sinh năm: 1971.

Cùng địa chỉ: Số B, phường C, thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Phạm Huỳnh Hữu N1**, sinh năm: 1996;

4. Ông **Phạm Huỳnh Hữu T**, sinh năm: 2000;

5. Bà **Nguyễn Thị Thu Hg**, sinh năm: 1953;

Cùng địa chỉ: Số B, phường C, thành phố Cần Thơ.

5. Bà **Võ Thị Kim C**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số A, phường C, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, các đương sự còn lại đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng X trình bày và yêu cầu:

Ngày 20/9/2023, Ngân hàng X (Gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty N (Gọi tắt là Công ty) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 1510LAV230076551 theo phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng; Hạn mức vay: 26.700.000.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ bảy trăm triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Lãi suất vay: Áp dụng cho từng lần giải ngân theo quy định tại khế ước nhận nợ; Kỳ hạn trả nợ: Gốc trả vào cuối kỳ, lãi trả 01 tháng/lần (Vào ngày 28 dương lịch hàng tháng). Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty N số tiền vay 26.700.000.000 đồng theo các khế ước nhận nợ số: 1510LDS230000894 ngày 10/11/2023, 1510LDS230000898 ngày 14/11/2023, 1510LDS230000924 ngày 24/11/2023, 1510LDS230000935 ngày 30/11/2023, 1510LDS230000944 ngày 01/12/2023, 1510LDS230000950 ngày 05/12/2023, 1510LDS230000976 ngày 12/12/2023, 1510LDS230001011 ngày 21/12/2023, 1510LDS230001025 ngày 29/12/2023, 1510LDS240000020 ngày 10/01/2024, 1510LDS240000029 ngày 16/01/2024, 1510LDS240000040 ngày 19/01/2024, 1510LDS240000091 ngày 23/02/2024, 1510LDS240000100 ngày 29/02/2024, 1510LDS240000115 ngày 08/3/2024, 1510LDS240000130 ngày 15/3/2024, 1510LDS240000138 ngày 19/03/2024, 1510LDS240000147 ngày 21/3/2024, 1510LDS240000214 ngày 17/4/2024, 1510LDS240000246 ngày 07/5/2024.

Để đảm bảo N vụ trả nợ của Công ty N, ông Phạm Hữu N và bà Huỳnh Thị Hoàng T đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản của ông bà theo các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 1510HĐBĐ202300144 ngày 20/9/2023, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 49, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại số 178, đường Trần Việt Châu, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

(Nay là phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 500156 (Số vào sổ CS08632) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 07/01/2021;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 100/2019/EIBCT-PGDHL/TC ngày 31/7/2019, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 51, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại số 182, đường Trần Việt Châu, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Nay là phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền ở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401051661 (Số hồ sơ gốc 61/2002) do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (Cũ) cấp ngày 10/6/2002 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 431, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại hẻm 111, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Nay là phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 793723 (Số vào sổ CH 03465) do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp ngày 27/12/2013.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do Công ty N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 08/11/2024 là 28.111.290.177 đồng (Hai mươi tám tỷ một trăm mười một triệu hai trăm chín mươi nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc là 26.698.367.894 đồng, nợ lãi là 1.412.922.283 đồng. Đồng thời, buộc Công ty N tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp Công ty N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp của ông Phạm Hữu N và bà Huỳnh Thị Hoàng T để thu hồi nợ.

- *Bị đơn Công ty N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu N, bà Huỳnh Thị Hoàng T* đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Huỳnh Hữu N1, ông Phạm Huỳnh Hữu T và bà Nguyễn Thị Thu H trình bày*: Các ông bà là người thân của ông Phạm Hữu N và bà Huỳnh Thị Hoàng T. Hiện các ông bà đang quản lý, sử dụng căn nhà số A, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Nay là phường C, thành phố Cần Thơ). Ông, bà không biết việc ông N, bà T thế chấp

tài sản vay tiền tại Ngân hàng. Do đây là tài sản của ông N và bà T nên ông bà không ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim C trình bày*: Bà đang quản lý, sử dụng căn nhà số B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Nay là phường C, thành phố Cần Thơ). Căn nhà là do bà thuê của ông Phạm Hữu N và bà Huỳnh Thị Hoàng T vào tháng 3/2024, thời hạn thuê là 02 năm kể từ tháng 3/2024. Bà không biết việc ông N, bà T thế chấp tài sản vay tiền tại Ngân hàng. Do đây là tài sản của ông N và bà T nên bà không ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng. Bà đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ tín dụng tạm tính đến ngày 08/11/2024 là 28.111.290.177 đồng (Hai mươi tám tỷ một trăm mười một triệu hai trăm chín mươi nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc là 26.698.367.894 đồng, nợ lãi là 1.412.922.283 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 14.423.000.000 đồng (Mười bốn tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu đồng), trong đó: Gốc là 13.640.000.000 đồng, lãi là 783.000.000 đồng. Nguyên đơn đã giải chấp đối với tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 49, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại số 178, đường Trần Việt Châu, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Nay là phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 500156 (Số vào sổ CS08632) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 07/01/2021 (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 1510HĐBĐ202300144 ngày 20/9/2023). Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ còn lại, tạm tính đến hết ngày 31/12/2025 là 16.653.241.155 đồng (Mười sáu tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn một trăm năm mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 13.060.367.894 đồng, lãi trong hạn là 253.028.097 đồng, lãi quá hạn là 3.285.659.337 đồng, lãi chậm trả lãi là 54.185.827 đồng. Đồng thời, yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ 01/01/2026 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp của ông Phạm Hữu N và bà Huỳnh Thị Hoàng T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 100/2019/EIBCT-PGDHL/TC ngày 31/7/2019 để thu hồi nợ. Các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

với đất tại thửa số 51, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại số 182, đường Trần Việt Châu, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Nay là phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền ở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401051661 (Số hồ sơ gốc 61/2002) do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (Cũ) cấp ngày 10/6/2002 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 431, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại hẻm 111, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Nay là phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 793723 (Số vào sổ CH 03465) do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp ngày 27/12/2013.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên việc Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở để kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ tín dụng tạm tính đến hết ngày 31/12/2025 là 16.653.241.155 đồng (Mười sáu tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn một trăm năm mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 13.060.367.894 đồng, lãi trong hạn là 253.028.097 đồng, lãi quá hạn là 3.285.659.337 đồng, lãi chậm trả lãi là 54.185.827 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu N, bà Huỳnh Thị Hoàng T để thu hồi nợ. Về án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu buộc Công ty N thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các chủ thể có đăng ký kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có trụ sở tại số A, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Nay là phường C, thành phố Cần Thơ) nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ tính dụng tạm tính đến hết ngày 31/12/2025 là 16.653.241.155 đồng (Mười sáu tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn một trăm năm mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 13.060.367.894 đồng, lãi trong hạn là 253.028.097 đồng, lãi quá hạn là 3.285.659.337 đồng, lãi chậm trả lãi là 54.185.827 đồng. Trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp của ông Phạm Hữu N và bà Huỳnh Thị Hoàng T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 100/2019/EIBCT-PGDHL/TC ngày 31/7/2019 để thu hồi nợ. Nguyên đơn không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 061/2021/EIBAP-TD/TCTS ngày 08/11/2021 do nguyên đơn đã giải chấp đối với tài sản. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xem xét trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 1510LAV230076551 ngày 20/9/2023 cùng các tài liệu liên quan đến việc giải ngân tiền vay đã thể hiện: Ngày 20/9/2023, Ngân hàng X cho cho Công ty N vay số tiền 26.700.000.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ bảy trăm triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày nhận nợ theo từng khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: Áp dụng cho từng lần giải ngân theo quy định tại khế ước nhận nợ; Kỳ hạn trả nợ: Gốc trả vào cuối kỳ, lãi trả 01 tháng/lần (Vào ngày 28 dương lịch hàng tháng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do Công ty N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty N trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tính đến hết ngày 31/12/2025, Công ty N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 16.653.241.155 đồng (Mười sáu tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn một trăm năm mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 13.060.367.894 đồng, lãi trong hạn là 253.028.097 đồng, lãi quá hạn là 3.285.659.337 đồng, lãi chậm trả lãi là 54.185.827 đồng.

Công ty N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng kể từ ngày 01/01/2026 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của người có quyền lợi, N vụ liên quan để thu hồi nợ, nhận thấy:

Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty N, Ngân hàng X và ông Phạm Hữu N, bà Huỳnh Thị Hoàng T đã ký kết hợp Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 100/2019/EIBCT-PGDHL/TC ngày 31/7/2019, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 51, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại số 182, đường Trần Việt Châu, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Nay là phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền ở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401051661 (Số hồ sơ gốc 61/2002) do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (Cũ) cấp ngày 10/6/2002 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 431, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại hẻm 111, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Nay là phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 793723 (Số vào sổ CH 03465) do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp ngày

27/12/2013. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng quy định pháp luật.

Tại Điều 9 của hợp đồng thế chấp về xử lý tài sản bảo đảm thể hiện nội dung Ngân hàng X được quyền xử lý tài sản thế chấp khi bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cấp tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Thực tế, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp của ông N, bà T để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

Đối với tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 49, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại số 178, đường Trần Việt Châu, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Nay là phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 500156 (Số vào sổ CS08632) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 07/01/2021 (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 1510HĐBĐ202300144 ngày 20/9/2023) do nguyên đơn đã giải chấp đối với tài sản và không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Từ những phân tích nêu trên*, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận.

[5] *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*: Là 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng), nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi xong. Bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên số tiền này theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều 463, Điều 466, Điều 295, Điều 298, Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X.

Buộc bị đơn Công ty N phải trả cho Ngân hàng X số tiền nợ tín dụng tạm tính đến hết ngày 31/12/2025 là là 16.653.241.155 đồng (Mười sáu tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn một trăm năm mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 13.060.367.894 đồng, lãi trong hạn là 253.028.097 đồng, lãi quá hạn là 3.285.659.337 đồng, lãi chậm trả lãi là 54.185.827 đồng.

Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn kể từ ngày 01/01/2026 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu N, bà Huỳnh Thị Hoàng T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 100/2019/EIBCT-PGDHL/TC ngày 31/7/2019 để thu hồi nợ. Các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 51, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại số 182, đường Trần Việt Châu, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Nay là phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền ở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401051661 (Số hồ sơ gốc 61/2002) do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (Cũ) cấp ngày 10/6/2002 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 431, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại hẻm 111, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Nay là phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 793723 (Số vào sổ CH 03465) do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp ngày 27/12/2013.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng). Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi xong nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

3. Về án phí: Bị đơn phải chịu 124.653.241 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi mốt đồng).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 67.478.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001413 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cần Thơ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TAND TP.Cần Thơ;
-VKSND KV 1-Cần Thơ;
-PTHADS KV1-Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

Văng Thị Ngọc Yến